

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2019/DS-ST

Ngày: 31-7-2019

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Độ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà: Hồ Thị Lan

2. Ông: Trần Xuân Giới

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Thương – Thư ký Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Minh Công – Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 7 năm 2019, tại Phòng xử án Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2019/TLST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2019 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2019/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 80/2019/QĐST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP P

Địa chỉ trụ sở chính: Số 55 đường L, phường B, quận 1, thành phố H

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Vũ Xuân T, sinh năm 1994 - là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Giấy ủy quyền số 35/2018/UQ-OCB ngày 30 tháng 10 năm 2018). Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà **Phạm Thị Xuân Đ** - Sinh năm 1961

Nơi ĐKKHKT: Tô 10, khu 4, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.
Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 22/02/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn – ông Vũ Xuân T trình bày:

Ngân hàng TMCP P (Sau đây viết tắt là Ngân hàng) và bà Phạm Thị Xuân Đ đã ký Hợp đồng tín dụng số 0052/2015/HĐTD-CN ngày 20/01/2015, số tiền vay là 370.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi triệu đồng); Mục đích cho vay: Vay sửa chữa nhà ở; Thời hạn cho vay 60 tháng; Phương thức trả nợ: Trả nợ gốc định kỳ vào ngày 30 hàng tháng theo phụ lục hợp đồng, trả nợ lãi định kỳ vào ngày 30 hàng tháng theo dư nợ thực tế.

Lãi suất vay: Áp dụng lãi suất cố định 9%/năm trong 12 tháng đầu (áp dụng gói OCB - nhanh và rẻ) từ tháng thứ 13 trở đi áp dụng lãi suất cho vay điều chỉnh

định kỳ 06 tháng/lần theo công thức lãi suất: Lãi suất cho vay (điều chỉnh) = Lãi suất cơ sở + Biên độ lãi suất. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn.

Tài sản bảo đảm cho khoản tiền vay là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại tổ 10, khu 4, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR110013, vào sổ cấp GCN CH01062 do UBND thành phố H cấp ngày 29/12/2014 cho chủ sở hữu là bà Phạm Thị Xuân Đ theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0052/2015/BĐ ngày 20/01/2015 (Công chứng số 216 quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD tại Phòng công chứng số 01 tỉnh Quảng Ninh).

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 0052/2015/HĐTD-CN ngày 21/01/2015, Ngân hàng đã giải ngân 01 lần theo Khế ước nhận nợ số 0052/2015/-OCB/KUNN-CN với số tiền là 370.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi triệu đồng) cho bà Đ.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay vốn, bà Phạm Thị Xuân Đ đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 74.031.808 đồng (trong đó, trả nợ gốc: 30.800.000 đồng, trả nợ lãi: 43.213.808 đồng). Kể từ ngày 23/10/2015 bà Đ không thanh toán các khoản nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng khiến cho khoản nợ bị chuyển sang nợ quá hạn.

Sau khi nợ quá hạn, Ngân hàng đã nhiều lần gửi thông báo cho bà Đ nhưng bà Đ không hợp tác trả nợ theo cam kết.

Như vậy, bà Phạm Thị Xuân Đ đã vi phạm Điều 3 của Hợp đồng tín dụng số 0052/2015/HĐTD-CN ngày 20/01/2015.

Với những nội dung và lý do đã trình bày nêu trên, Ngân hàng TMCP P đề nghị Tòa án:

1. Buộc bà Phạm Thị Xuân Đ trả cho Ngân hàng TMCP P số tiền tính đến hết ngày 31/7/2019 là: 569.343.447 đồng. Trong đó nợ gốc là: 339.200.000 đồng, nợ lãi: 230.143.447 (bao gồm lãi trong hạn: 87.967.746 đồng và lãi quá hạn: 142.175.701 đồng)

2. Buộc bà Phạm Thị Xuân Đ tiếp tục phải trả số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01/8/2019 cho đến khi thanh toán hết nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn tính trên cơ sở các nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

3. Trường hợp bà Phạm Thị Xuân Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền thi hành án tiến hành xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định. Trường hợp xử lý tài sản bảo đảm không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì bà Phạm Thị Xuân Đ phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi tất toán xong khoản nợ.

4. Đối với số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ mà Ngân hàng đã nộp tạm ứng, Ngân hàng tự nguyện chịu và không yêu cầu bà Đ phải trả.

Đối với bị đơn bà Phạm Thị Xuân Đ, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý cho bị đơn và được bà Mạc Thị B là mẹ đẻ của bà Đ có cùng đi chỉ tổ 10, khu 4, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, nhận thay tuy nhiên do bà Đ đã bỏ đi khỏi nơi cư trú từ năm 2015 đến nay không liên lạc với gia đình, gia đình cũng không biết bà Đ đang ở đâu. Tòa án đã tiến hành xác minh tại tổ dân nơi bà Đ đăng ký hộ khẩu thường trú thì được biết bà Đ vẫn đăng ký hộ khẩu tại tổ 10, khu 4, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, chưa chuyển khẩu đi đâu. Bà Đ đã đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/5/2015, đi đâu, làm gì tổ dân không rõ. Do không thể tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho bà Đ, Tòa án đã tiến hành niêm yết

các văn bản tố tụng như Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Quyết định xem xét thẩm định tại chỗ, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của bà Đ do Ngân hàng cung cấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng được đảm bảo theo quy định của pháp luật; Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP P và buộc bà Phạm Thị Xuân Đ phải thực hiện trả toàn bộ gốc, lãi theo hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp đã ký kết.

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của các đương sự, đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn – Ngân hàng TMCP P khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn bà Phạm Thị Xuân Đ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H theo quy định khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, việc Tòa án nhân dân thành phố H thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Quyết định xem xét thẩm định tại chỗ, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các Giấy triệu tập để giải quyết vụ án tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của bà Đ, nhưng bà Đ đều vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 05 năm 2017 Nghị quyết hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13, bà Phạm Thị Xuân Đ thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung, tiến hành niêm yết các thủ tục tố tụng cho đương sự theo quy định tại Chương X của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vậy, việc xét xử vắng mặt bị đơn không ảnh hưởng đến tính khách quan khi giải quyết vụ án, đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và các quy định khác có liên quan của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Việc ký kết các hợp đồng:

Hợp đồng tín dụng số 0052/2015/HĐTD-CN ngày 20/01/2015 giữa Ngân hàng TMCP P với bà Phạm Thị Xuân Đ là có căn cứ và đúng pháp luật.

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0052/2015/BĐ, số công chứng 216, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/01/2015. Quyền sử dụng đất đã được đăng ký thế chấp ngày 21/01/2015 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Các hợp đồng trên các bên đương sự tự nguyện ký kết theo sự thỏa thuận của các bên, các hợp đồng đã có hiệu lực và được các bên triển khai thực hiện.

[2.2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Xét yêu cầu của Ngân hàng OCB yêu cầu bà Phạm Thị Xuân Đ phải trả cho Ngân hàng số nợ tính đến ngày 31/7/2019 là: 569.343.447 đồng. Trong đó nợ gốc là: 339.200.000 đồng, nợ lãi: 230.143.447 (bao gồm lãi trong hạn: 87.967.746 đồng và lãi quá hạn: 142.175.701 đồng) và toàn bộ các khoản lãi, lãi quá hạn, chi phí khác phát sinh từ ngày 01/8/2019 cho đến khi bà Đ thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng nêu trên thì thấy:

[2.2.1] Đối với Hợp đồng tín dụng số 0052/2015/HĐTD-CN ngày 20/01/2015. Sau khi ký kết hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân 01 lần theo Khế ước nhận nợ số 0052/2015-OCB/KUNN-CN ngày 21/01/2015 với số tiền là 370.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi triệu đồng) có thể hiện chữ ký của bà Đ. Kể từ ngày vay đến ngày 23/10/2015, bà Đ đã trả được 74.031.808 đồng (trong đó, trả nợ gốc: 30.800.000 đồng, trả nợ lãi: 43.213.808 đồng), sau đó bà Đ không trả thêm bất kỳ khoản tiền nào khác. Do bà Đ không trả được nợ gốc và lãi đến hạn nên nợ quá hạn phát sinh từ ngày 23/10/2015.

Sau khi nợ quá hạn, Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc và gửi các thông báo mời làm việc trực tiếp cho bà Đ nhưng bà Đ không hợp tác trả nợ theo cam kết. Việc bà Đ không trả nợ cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết trong hợp đồng tín dụng đã ký kết, cụ thể là vi phạm Điều 3 của Hợp đồng tín dụng.

Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt) nhưng có yêu cầu buộc bà Đ trả số tiền tính đến ngày 31/7/2019 là: 569.343.447 đồng. Trong đó nợ gốc là: 339.200.000 đồng, nợ lãi: 230.143.447 (bao gồm lãi trong hạn: 87.967.746 đồng và lãi quá hạn: 142.175.701 đồng) và toàn bộ các khoản lãi, lãi quá hạn, chi phí khác phát sinh từ ngày 01/8/2019 cho đến khi bà Đ thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng nêu trên, xét yêu cầu này của Ngân hàng OCB là có căn cứ chấp nhận.

[2.2.2] Đối với số tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn: Lãi suất cố định 9%/năm trong 12 tháng đầu (áp dụng gói OCB-nhanh và rẻ) từ tháng thứ 13 trở đi áp dụng lãi suất cho vay điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần theo công thức lãi suất: Lãi suất cho vay (điều chỉnh) = Lãi suất cơ sở + Biên độ lãi suất (trong đó: Lãi suất cơ sở bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 13 tháng trả lãi cuối kỳ do OCB công bố tại thời điểm tính lãi; Biên độ lãi suất tối thiểu = 4%/năm); Mức lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn đang áp dụng tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn. Hội đồng xét xử thấy Ngân hàng đã tính đúng và đủ theo lãi suất do các bên

thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đồng thời buộc bà Phạm Thị Xuân Đ tiếp tục phải trả các khoản lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán từ ngày 01/8/2019 cho đến khi bà Đ thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng đã ký.

[2.2.3] Đối với Hợp đồng thế chấp tài sản số 0052/2015/BĐ, số công chứng 216, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/01/2015. Quyền sử dụng đất đã được đăng ký thế chấp ngày 21/01/2015 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Xét thấy, tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án xác định đến ngày xét xử sơ thẩm, tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 0052/2015/BĐ ngày 20/01/2015 vẫn giữ nguyên hiện trạng. Việc bà Đ ký hợp đồng thế chấp là hoàn toàn tự nguyện, được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Do đó, khi bà Đ không trả nợ đúng hạn cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền đề nghị xử lý hợp đồng thế chấp là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ngân hàng TMCP P tự nguyện chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và không yêu cầu bà Đ phải trả chi phí trên cho Ngân hàng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Buộc đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ vào Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 5, khoản 7 Điều 351; các Điều 355; 471; 474 của Bộ luật dân sự 2005; khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng.

Căn cứ vào Điều 147; Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP P.

2. Buộc bà Phạm Thị Xuân Đ phải trả cho Ngân hàng TMCP P toàn bộ số tiền tính đến ngày 31/7/2019 là: 569.343.447 đồng. Trong đó nợ gốc là: 339.200.000 đồng, nợ lãi: 230.143.447 (bao gồm lãi trong hạn: 87.967.746 đồng và lãi quá hạn: 142.175.701 đồng)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà Phạm Thị Xuân Đ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng 0052/2015/HĐTD-CN ngày 20/01/2015 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà Phạm Thị Xuân Đ phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP P theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bà Phạm Thị Xuân Đ không trả được nợ thì Ngân hàng TMCP P có quyền xử lý tài sản thế chấp hoặc yêu cầu Cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0052/2015/BĐ, số công chứng 216, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/01/2015, đăng ký thế chấp ngày 21/01/2015 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp, số tiền xử lý tài sản thế chấp vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng TMCP P, thì bà Phạm Thị Xuân Đ phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

3. Về án phí: Buộc bà Phạm Thị Xuân Đ phải chịu 26.774.000 đồng (hai mươi sáu triệu, bảy trăm bảy mươi bốn nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng TMCP P 12.757.000 đồng (Mười hai triệu, bảy trăm năm bảy nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000765 ngày 18/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP H;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS TP H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Quang Độ